

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Việt Nam học, mã số ngành: 8310630.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Việt Nam học ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Việt Nam học và Tiếng Việt và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC
MÃ SỐ : 8310630

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2914 /QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ **Tên tiếng Việt:** Việt Nam học

+ **Tên tiếng Anh:** Vietnamese Studies

- Mã số ngành đào tạo: 8310630

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 02 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ **Tên tiếng Việt:** Thạc sĩ ngành Việt Nam học

+ **Tên tiếng Anh:** Master of Arts in Vietnamese Studies

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Việt Nam học giúp người học có kiến thức hiện đại, chuyên sâu về các lĩnh vực nghiên cứu Việt Nam, có kỹ năng thực hành nghiên cứu độc lập và làm việc trong môi trường liên ngành, đa ngành; có năng lực tổ chức nghiên cứu Việt Nam học. Người học xong chương trình thạc sĩ Việt Nam học nằm trong hệ thống nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ chiến lược phát triển và hội nhập của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Cung cấp kiến thức* chuyên sâu về Việt Nam học (bao gồm: Lịch sử, Văn hóa Việt Nam, Xã hội, Địa lí, Kinh tế, Thể chế chính trị Việt Nam, Văn học, Nghệ thuật, Tôn giáo, Việt ngữ học và phương pháp dạy tiếng...), nâng cao khả năng vận dụng vào nghiên cứu thực tiễn đất nước và con người Việt Nam.

- *Hướng dẫn bộ công cụ* gồm: Kỹ năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề đặt ra trong ngành Việt Nam học như phát hiện ra các đặc trưng, tính cách Việt trong mỗi vùng, miền, ở từng không gian văn hóa - xã hội cụ thể từ truyền thống đến hiện đại, đáp ứng nhu cầu giao lưu, hội nhập và phát triển của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu.

- *Giúp người học phát triển năng lực tư duy* trong việc thực thi/ tham mưu/ hoạch định chính sách ở Việt Nam trên các lĩnh vực: quản lí văn hóa, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển giáo dục, khai thác tiềm năng phát triển đầu tư - du lịch, hoạt động ngoại giao, đối ngoại nhân dân.

- *Giúp người học phát triển năng lực tổ chức các hoạt động* nghiên cứu nhóm và độc lập về các chủ đề liên quan đến các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực Việt Nam học.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp và hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực Việt Nam học; Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng kí dự tuyển và có 1 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực có liên quan đến Việt Nam học.

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Về năng lực ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong các loại văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành Ngôn ngữ tiếng nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng

ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đáp ứng yêu cầu trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

3.2.3. Các điều kiện khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Đáp ứng các yêu cầu khác của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam và ngành Tiếng Việt tại các Trường Đại học ở nước ngoài.

- Ngành phù hợp 2:

+ Ngành trong nhóm ngành: Khu vực học, Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Kinh tế học, Xã hội học và Nhân học, Khoa học giáo dục, Quản trị - Quản lý, Du lịch;

+ Ngành: Địa lý học, Báo chí, Quản lý tài nguyên và môi trường, Luật, Hán Nôm, Chính trị học, Sư phạm Lịch sử - Địa lý.

- Ngành phù hợp 3:

+ Ngành trong nhóm ngành: Tâm lý học, Thông tin - Thư viện, Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử viễn thông, Các ngành sư phạm tiếng nước ngoài thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa

học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

- Đối với đối tượng ngành phù hợp 2:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Nhập môn Việt Nam học	3
2	Lịch sử Việt Nam đại cương	3
3	Việt ngữ học đại cương	3
Tổng		9

- Đối với đối tượng ngành phù hợp 3

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3
2	Nhập môn Việt Nam học	3
3	Lịch sử Việt Nam đại cương	3
4	Việt ngữ học đại cương	3
5	Các dân tộc Việt Nam	3
6	Địa lý Việt Nam	3
Tổng		18

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến 15- 20 học viên/ 1 năm).

- Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO 1: Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào việc nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

PLO 2: Vận dụng các cách tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu Việt Nam học theo lý thuyết khu vực học kết hợp phương pháp tiếp cận liên ngành, đa ngành, chuyên

ngành theo lĩnh vực trong quá trình tự học, nghiên cứu độc lập và tổ chức nghiên cứu.

PLO 3: *So sánh, phân tích* các hiện tượng, các khái niệm, nội dung, các mối liên hệ và qui luật phát triển của nhóm ngành và từng chuyên ngành cụ thể, từng bước lý giải và vận dụng chúng vào hoạt động thực tiễn, phát triển văn hóa, xã hội Việt Nam trong thời kì hội nhập.

PLO 4: *Đánh giá, bình luận và phản biện* các vấn đề, các xu hướng lớn trong lĩnh vực Việt Nam học qua góc nhìn của các chuyên gia nghiên cứu Việt Nam (trong nước và trên thế giới).

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO 5: *Thực hiện tốt bộ kỹ năng* phục vụ nghiên cứu Việt Nam học bao gồm: kỹ năng nghiên cứu khoa học và giảng dạy Việt Nam học, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.

PLO 6: *Có kỹ năng truyền đạt tri thức* dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.

PLO 7: *Thực hành tốt kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý* các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. *Vận dụng* kiến thức về lý luận và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành trong quá trình triển khai các đề tài nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu, nhằm bước đầu nâng cao khả năng độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học.

PLO 8: *Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng khoa học công nghệ* một cách thiết thực và sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp; *Kết hợp* các kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn khu vực học để thực hiện khảo sát, điều tra, điền dã, nghiên cứu và thu thập tư liệu thực địa; phân tích, tổng hợp tư liệu theo hướng liên ngành để giải quyết một vấn đề cụ thể liên quan đến Việt Nam học.

PLO 9: *Có trình độ ngoại ngữ tương đương* bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 10: *Chủ động nghiên cứu nguồn tri thức* khoa học xã hội và nhân văn, hướng đến các giá trị ứng dụng thực tiễn trong hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, có thể đưa ra một số sáng kiến trong lĩnh vực Việt Nam học.

PLO 11: *Có khả năng thích nghi* với môi trường học thuật và làm việc, có tư duy độc lập, tự định hướng và hướng dẫn người khác, tạo động lực nghiên cứu, giảng dạy

Việt Nam học cho đồng nghiệp.

PLO 12: Luôn có ý thức tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ lý luận và năng lực giải quyết vấn đề, đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Việt Nam học.

PLO 13: Có ý thức xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khoa học, có văn hóa phản biện học thuật; có đạo đức nghiên cứu và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ; thường xuyên cải tiến các hoạt động chuyên môn.

4. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

- Thạc sĩ Việt Nam học có thể đảm nhiệm các công việc chuyên môn liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học xã hội khác nhau, đặc biệt có ưu thế ở những công việc đòi hỏi khả năng nghiên cứu tổng hợp, liên ngành.

- Thạc sĩ Việt Nam học có thể giảng dạy và nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực, các học phần trong chương trình đào tạo Việt Nam học tại các trường cao đẳng, đại học, các học viện, viện nghiên cứu trên phạm vi cả nước.

- Thạc sĩ Việt Nam học có thể trở thành các chuyên viên, chuyên gia phân tích, tư vấn những vấn đề liên quan đến đất nước và con người Việt Nam; về chính sách và tiềm năng phát triển văn hóa, xã hội, kinh tế, du lịch, đầu tư, môi trường... tại các sở, phòng, ban, ngành trong phạm vi cả nước và các công ty, tổ chức, cơ quan phi chính phủ, cơ quan tổ chức quốc tế.

- Thạc sĩ Việt Nam học có thể đảm nhiệm công việc liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ như: giảng dạy tiếng Việt, hướng dẫn du lịch, biên tập, làm công tác xuất bản, tại các cơ quan báo chí - truyền thông, các nhà xuất bản, các cơ quan trong hệ thống chính trị ...

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp cao học ngành Việt Nam học có thể nâng cao nghiệp vụ, tri thức chuyên môn khi làm việc tại các đơn vị kinh tế, xã hội, văn hóa có quan hệ giữa Việt Nam và các nước; có thể nghiên cứu và giảng dạy Việt Nam học, tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam ở các trường đại học, cao đẳng của Việt Nam và các nước trên thế giới.

Thạc sĩ Việt Nam học có thể tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ ngành Việt Nam học tại các trường Đại học và Viện nghiên cứu ở Việt Nam và các nước trên thế giới (nếu có).

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	63 tín chỉ, trong đó:
- Khối kiến thức chung:	9 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	30 tín chỉ
+ Bắt buộc:	21 tín chỉ
+ Tự chọn:	9 tín chỉ/ 27 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học:	24 tín chỉ
+ Chuyên đề nghiên cứu:	12 tín chỉ
+ Luận văn thạc sĩ:	12 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ B2* (chọn một trong các ngoại ngữ sau)		5				
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i>	5	250	0	0	
	CHI5001	Tiếng Trung B2 <i>Chinese B2</i>	5	250	0	0	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>German B2</i>	5	250	0	0	
	OLC5001	Tiếng Nhật B2 <i>Japanese B2</i>	5	250	0	0	
	KOR5001	Tiếng Hàn B2 <i>Korean B2</i>	5	250	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		30				
II.1	Các học phần bắt buộc		21				
3	VNS6001	Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khu vực học <i>Theory and Approaches to Area Studies</i>	3	40	10	100	
4	VNS6021	Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam <i>Cultural Areas and the</i>	3	43	4	103	

* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Delimitation of Cultural Areas in Vietnam</i>					
5	VNS6022	Những đặc trưng cơ bản của tiếng Việt <i>Main characteristics of Vietnamese Language</i>	3	43	4	103	
6	VNS6023	Văn học Việt Nam trong quá trình hội nhập và phát triển <i>Vietnamese Literature in the Process of Integration and development</i>	3	40	10	100	
7	VNS6024	Phương pháp giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ <i>Method of Vietnamese Language Teaching as a Foreign Language</i>	3	40	10	100	
8	VNS6025	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam <i>Believes and Religions in Vietnam</i>	3	40	10	100	
9	VNS6026	Nghệ thuật Việt Nam: truyền thống và hiện đại <i>Vietnamese Arts: Tradition and Modernity</i>	3	40	10	100	
II.2	Các học phần tự chọn		9/42				
10	VNS6027	Kinh tế - xã hội Việt Nam: truyền thống và đổi mới <i>Vietnamese Socio-Economy: Tradition and Renovation</i>	3	40	10	100	
11	VNS6028	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam <i>The State and Law in Vietnamese History</i>	3	40	10	100	
12	VNS6029	Phương pháp tiếp cận liên ngành <i>Interdisciplinary Approach Methodology</i>	3	40	10	100	
13	VNS6030	Lịch sử quan hệ quốc tế của Việt Nam <i>History of International Relations of Vietnam</i>	3	43	04	103	
14	VNS6031	Việt Nam học ở Việt Nam và trên thế giới <i>Vietnamese Studies in Vietnam and in The World</i>	3	40	10	100	
15	VNS6032	Lịch sử tư tưởng Việt Nam <i>History of Vietnam Ideologies</i>	3	43	04	103	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
16	VNS6033	Nông thôn và Đô thị Việt Nam <i>Rural and Urban Areas in Vietnam</i>	3	40	10	100	
17	VNS6034	Giao tiếp liên văn hóa <i>Intercultural communication</i>	3	40	10	100	
18	VNS6035	Lịch sử chủ quyền và lãnh thổ Việt Nam <i>History of Sovereignty and Territory of Vietnam</i>	3	40	10	100	
19	VNS6036	Văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số <i>Cultures and Languages of Vietnam Minorities</i>	3	40	10	100	
20	VNS6037	Phân vùng phương ngữ - văn hóa ở Việt Nam <i>Zoning Dialect – Culture in Vietnam</i>	3	43	04	103	
21	VNS6038	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á <i>Vietnamese Culture in Asean context</i>	3	40	10	100	
22	VNS6039	Địa lý các vùng lãnh thổ Việt Nam <i>Geography of Regions in Vietnam</i>	3	43	04	103	
23	VNS6040	Các đặc trưng sinh thái, môi trường Việt Nam <i>The Characteristics of Ecological Environment of Viet Nam</i>	3	40	10	100	
III	Nghiên cứu khoa học		24				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu		12				
24	VNS6041	Thực hành nghiên cứu nâng cao <i>Advanced research practice</i>	4	40	10	150	
25	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Approaches and Research methods of Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	135	
26	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Schools in Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	135	
III.2	Luận văn thạc sĩ		12				

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
27	VNS7001	Luận văn thạc sĩ <i>Master Thesis</i>	12	0	0	600	
Tổng cộng			63				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá